

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trị;
Ông Bùi Đức Thuận.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Nữ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân: 040183016019.

Trú tại: Xóm 8, xã Đ, huyện H, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Trọng B, sinh năm 1984 (vắng, có đơn xét xử vắng mặt)
CMND: 211765208.

Trú tại: Xóm 7, thôn TĐ2, xã B, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, bản lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà và ông Huỳnh Trọng B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2010 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (cũ).

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra việc kinh cãi, chửi bới nhau, có lúc ông B ngược đãi đánh đập bà. Mâu thuẫn gay gắt và trầm trọng là từ cuối năm 2022, vợ chồng cắt đứt quan hệ nhau từ đó đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn ông Huỳnh Trọng B.

Về con chung: Bà và ông có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc A (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/5/2011, hiện con chung đang ở với ông Huỳnh Trọng B. Vì vậy khi ly hôn bà đồng ý để ông B nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến trưởng thành và đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết cụ án, bị đơn ông Huỳnh Trọng B trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Y kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà Y đã bỏ nhà ra đi khi con chung Huỳnh Ngọc A vừa được 01 tuổi. Nay tình cảm không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Y yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc A (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/5/2011, lâu nay con chung ở với ông. Khi vợ chồng ly hôn thì ông yêu cầu nuôi dưỡng con chung Huỳnh Ngọc A đến trưởng thành và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, cơ bản đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự tuy nhiên còn một vài vi phạm; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Y với ông Huỳnh Trọng B. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung tên Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 05/11/2011 cho ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (con chung A có nguyện vọng ở với cha); về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị không xét vì ông B không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Trọng B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Trọng B kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 04/8/2010 đúng theo quy định tại các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi mắng nhau. Mâu thuẫn không được giải quyết nên ngày càng trầm trọng. Bà Y đã bỏ nhà đi từ khi con chung Huỳnh Ngọc A được 01 tuổi, vợ chồng cắt đứt quan hệ từ đó đến nay. Cả bà Y và ông B phân ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau một thời gian dài. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Y yêu cầu ly hôn với ông B và ông B cũng đồng ý là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc A (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/5/2011; con chung hiện đang ở với cha Huỳnh Trọng B. Khi ly hôn ông B yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Bà Y cũng đồng ý giao con cho ông B nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung (cháu A muốn sống cùng với cha); phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; cũng đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho trẻ, nghị nên công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định, ông B không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy: việc chu cấp nuôi con là để đảm bảo cho trẻ cuộc sống đầy đủ hơn, đảm bảo quyền lợi của con chung nghị nên chấp nhận yêu cầu của bà Y, buộc bà Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức: 1.725.000đ/ tháng; bắt đầu thực hiện kể từ tháng 9/2025 cho đến khi con chung (A) đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y không yêu cầu nên Tòa không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Huỳnh Trọng B mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: bà Y phải nộp 300.000đ.

Tổng cộng bà Y phải nộp 450.000đ, nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005856 ngày 18/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà Y còn phải nộp tiếp 150.000đ.

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Y với ông Huỳnh Trọng B.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Giao con chung tên Huỳnh Ngọc A (nữ), sinh ngày 01/5/2011 cho ông Huỳnh Trọng B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức: 1.725.000đ / tháng; bắt đầu thực hiện kể từ tháng 9/2025 cho đến khi con chung (A) đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi đến thăm nom, chăm sóc, giúp đỡ con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Huỳnh Trọng B mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: bà Y phải nộp 300.000đ.

Tổng cộng bà Y phải nộp 450.000đ, nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005856 ngày 18/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà Y còn phải nộp tiếp 150.000đ.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Bình An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam